

Bản án số: 124/2024/DS-ST
Ngày: 24/9/2024
V/v tranh chấp về di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;
Ông Giang Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp về di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thanh T**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: **Tổ B, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Chỗ ở hiện nay: **Số F N, khu phố D, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Lê Thái C**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: **Tổ A khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Chỗ ở hiện nay: **Áp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Lê Hùng V (Lê Thái H)**, sinh năm: 1974. Địa chỉ: **Tổ B, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Chỗ ở hiện nay: **Áp C, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (Có mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: **Tổ A khu phố T, thị trấn S,**

huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

3. Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Phạm Nhân D - anh Nguyễn Phạm Nhân D, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số nhà H, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày:

Nguyên trước đây, mẹ chị T là bà Lê Thị E, sinh năm 1952 có chồng trước tên Lê Văn T2, cùng cư ngụ tại ấp C, thành phố L, tỉnh An Giang có sinh được hai người con chung gồm: Lê Thái C, sinh năm 1980, Lê Hùng V, sinh năm 1974. Trong quá trình chung sống mẹ chị và ông T2 không có tài sản chung.

Đến năm 1978, mẹ chị và ông Lê Văn T2 ly hôn. Đến năm 1980, mẹ chị T là Lê Thị E lấy cha là ông Trần Thanh G, sinh năm 1952, cư ngụ tại khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang có sinh được một người con chung là chị (Trần Thanh T, sinh năm 1981).

Ngày 21/5/2005, mẹ chị là bà Lê Thị E bị bệnh chết (có giấy chứng tử kèm theo), nhưng không để lại di chúc.

Đến ngày 07/01/2011, cha chị là ông Trần Thanh G có nhận chuyển nhượng một thửa đất nền nhà (Nền tái định cư) do Ban Q, thuộc dự án đầu tư Xây dựng Chợ và khu dân cư T thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang đứng ra chuyển nhượng, đất có vị trí đặc điểm như sau:

Nền: Mã số: Lô L04, N11 nền góc, diện tích 160m² (chiều rộng 6,8m, chiều dài 25,6m), đất tọa lạc tại tổ B, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng với giá 600.000 đồng/m² x 160m² = 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng), đất có vị trí tứ cận giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất ông Tư T3; Phía Tây giáp đất ông Danh N; Phía Nam giáp đất ông T4; Phía Bắc giáp Lộ N1.

Sau khi nhận chuyển nhượng cha chị thanh toán thành 03 đợt:

- Đợt 1: Trả UBND huyện H số tiền 48.000.000 đồng
- Đợt 2: Trả UBND huyện Hòn Đất số tiền 30.000.000 đồng

Còn nợ lại 18.000.000 đồng, UBND huyện H cũng đã giao đất cho cha chị quản lý sử dụng.

Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2015 cha chị cất căn nhà cây, mái tol, nền xi măng có diện tích 56m² (chiều ngang 7m, chiều dài 8m) gia đình chị và gia đình anh Hùng V sinh sống ổn định trên diện tích đất này.

Đến ngày 13/4/2021, cha chị là ông G bị bệnh chết (có giấy chứng tử kèm theo), nhưng không để lại di chúc. Sau khi cha chị chết, chị đi làm ăn xa, còn gia đình anh Hùng V vẫn sinh sống ổn định trên diện tích đất này.

Sau khi cha chị chết, Ban quản lý các dự án CTXD UBND huyện H gọi điện cho anh Lê Thái C (anh cùng mẹ khác cha) lên đóng số tiền còn nợ lại là 18.000.000 đồng cho UBND huyện H để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất theo quy định. Sau đó anh C bàn với anh Lê Hùng V nói bây giờ anh C mượn thằng D (em bà con) 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để đóng tiền nhận chuyển nhượng còn nợ lại UBND huyện 18.000.000 đồng để được cấp giấy theo quy định, sau này anh Châu trừ anh Hùng V và chị mỗi người trả 10.000.000 đồng.

Sau khi anh C đóng hết tiền chuyển nhượng còn lại là 18.000.000 đồng, UBND huyện H cũng cấp giấy CNQSD đất do Trần Thanh G đứng tên (hiện giấy CNQSD đất do anh C cất giữ). Anh C lợi dụng đang cất giữ giấy CNQSD đất bản gốc do ông G đứng tên, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản.

Ngày 20/02/2022, anh C gọi điện thoại cho chị, kêu chị gửi giấy Chứng minh nhân dân (CMND) của chị qua cho anh C, để anh C làm quyền sử dụng cho cha chị là ông G. Do tin tưởng anh C, một phần cũng không am hiểu pháp luật, nên chị gửi bản gốc CMND của chị cho anh C. Lợi dụng lòng tin của chị, anh C lấy giấy CMND của chị để lập biên bản họp mặt gia đình với nội dung là chị đồng ý thống nhất giao lô đất tại Trung tâm Thương mại thị trấn S cho anh C, anh Châu g mạo chữ ký của chị để ký vào biên bản họp mặt gia đình, biên bản này có sự xác nhận của Ban lãnh đạo khu phố Thị T5 và UBND thị trấn S. Thực tế chị không có ký vào biên bản họp gia đình này.

Sau đó qua tìm hiểu, chị được biết vào năm 2022 anh C giả mạo chữ ký của chị để ông C toàn quyền làm thủ tục thừa kế từ cha chị là ông G sang tên anh C đối với nền đất nêu trên, trong khi đó là tài sản riêng của chị, nhưng chị không hề hay biết và chị không đồng ý việc này.

Đến ngày 25/5/2022, chị làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo khu phố T yêu cầu anh C phải trả cho chị một giấy CNQSD đất bản gốc đứng tên ông Trần Thanh G, đồng thời hủy biên bản họp mặt gia đình ngày 28/02/2022, nhưng anh C không đồng ý nên hòa giải không thành.

Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị như sau:

Chị yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của ông G, sau khi trừ phần của anh C đã trả, phần đã chia cho anh V và anh C. Chị xin nhận bằng đất, chị sẽ thối tiền lại cho anh H1 V và anh C. Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị, đất tọa lạc tại tổ B, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Lê Thái C có đơn phản tố và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Nguyên trước đây, cha mẹ anh là bà Lê Thị E, ông Lê Văn T2, cùng cư ngụ tại ấp C, thành phố L, tỉnh An Giang sinh được hai người con chung gồm: Lê Thái C, sinh năm 1980, Lê Hùng V, sinh năm 1974. Trong quá trình chung sống cha mẹ không có tài sản chung.

Đến năm 1978, do bất đồng quan điểm sống nên cha mẹ anh ly hôn. Đến năm 1979, mẹ anh lấy cha dượng là ông Trần Thanh G, sinh năm 1952, cư ngụ tại khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang sinh được một người con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1981.

Ngày 21/5/2005, mẹ anh bị bệnh chết, nhưng không để lại di chúc.

Đến ngày 07/01/2011, cha dượng anh là ông G có nhận chuyển nhượng một thửa đất nền nhà (Nền tái định cư) do Ban Q, thuộc dự án đầu tư Xây dựng Chợ và khu dân cư T thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang đứng ra chuyển nhượng, đất có vị trí đặc điểm như Trần Thanh T trình bày.

Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên, anh là người trực tiếp chở cha dượng đến Kho bạc Nhà nước huyện H để thanh toán thành 03 đợt:

- Đợt 1: Vào ngày 07/01/2011 cha dượng trả cho UBND huyện H số tiền 48.000.000 đồng tại kho bạc nhà nước (có biên lai thu tiền kèm theo).

- Đợt 2: Vào ngày 22/4/2013 cha dượng trả cho UBND huyện H số tiền 28.000.000 đồng (có phiếu thu tiền kèm theo).

Còn nợ lại 20.000.000 đồng, UBND huyện H cũng đã giao đất cho gia đình anh quản lý sử dụng.

Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2013 anh và cha dượng là ông G di dời căn nhà cây, mái tol, có diện tích 48m² (chiều ngang 6m, chiều dài 8m) về dựng trên diện tích đất này. Vợ chồng anh và cha dượng sinh sống liên tục ổn định trên diện tích đất này đã hơn 10 năm không ai tranh chấp.

Ngày 14/4/2015 âm (Ngày đám dỡ mẹ anh), cha dượng kêu anh, anh H1 V và em T lại cha dượng nói miệng chia nền đất đã mua nêu trên:

Cho em **T** diện tích chiều ngang 6,8m, chiều dài 8m, đất có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất ông **Lê Hồng P**; Phía Tây giáp **Lộ N1**; Phía Nam giáp **Lộ N**; Phía Bắc giáp đất ông **Tur T3**.

Cho cháu nội là **Lê Hồng P** (con anh **Hùng V**) chiều ngang 6,8m, chiều dài 8m, đất có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất ông **Lê Thái C**; Phía Tây giáp **Trần Thanh T**; Phía Nam giáp **Lộ N**; Phía Bắc giáp đất ông **Tur T3**.

Cho anh (**Lê Thái C**) chiều ngang 6,8m, chiều dài 8m, đất có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất ông **T4**; Phía Tây giáp đất **Lê Hồng P**; Phía Nam giáp **Lộ N**; Phía Bắc giáp đất ông **Tur T3**. Trên diện tích này có cất căn nhà cây, mái tol, nền xi măng có diện tích chiều 6,8m, dài 8m, hiện nay gia đình anh đang quản lý căn nhà này. Cha dượng anh nói chỉ được ở không được bán, đồng thời cho anh (**Lê Thái C**) đứng tên giấy CNQSD đất. Việc tặng cho đất này có ông **Nguyễn Thanh N2**, ông **Vũ Việt H2**, ông **Năm L**, ông **Tám C1**, bà **Nguyễn Thị H3** biết chứng kiến và làm chứng cho anh.

Năm 2014, em **T** chơi cờ bạc, số đề và trốn nợ đi cho đến nay. Ngày 22/7/2019 anh trực tiếp chở cha dượng lên **Ban quản lý dự án huyện H** để đóng số tiền nền nhà còn nợ lại là 20.000.000 đồng, sau đó anh trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước đóng tiền vào tài khoản số 3741.0.9048808.92999 số tiền 20.000.000 đồng (có giấy nộp tiền kèm theo).

Đến đầu năm 2021, cha dượng bị bệnh, một mình anh phải chăm lo chăm sóc cho cha, không một ai hỏi han tình hình sức khỏe. Ngày 13/4/2021 cha dượng bị bệnh chết, nhưng không để lại di chúc. Sau khi cha dượng chết, anh chôn trên phần đất anh mua, đám tang cha dượng một mình anh đứng ra lo chu toàn cho cha dượng, không ai bỏ tiền ra lo đám tang tiếp anh.

Ngày 12/6/2021 âm, là đám 100 ngày của cha dượng, em **T** và anh **H1 V** yêu cầu anh thôi cho mỗi người 200.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của **Trần Thanh T**, anh phản tố như sau:

Anh yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại đối với diện tích đất 160m², chia đều cho ba anh em gồm: **Lê Hùng V**, **Lê Thái C**, **Trần Thanh T** mỗi người được sử dụng 53,3m² (Sau khi đo đạc thực tế bao nhiêu, thì sẽ nhận bấy nhiêu).

Anh yêu cầu được sử dụng diện tích 53,3m² (Sau khi đo đạc thực tế bao nhiêu, thì sẽ nhận bấy nhiêu), đất có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất ông **Tur T3**; Phía Tây giáp đất **Lộ Nhựa**; Phía Nam giáp đất ông **T4**; phía Bắc giáp đất ông **Lê Hồng P**. Trên diện tích đất này có cất căn nhà cây, mái tol, nền xi măng có diện tích chiều ngang 6m, dài 8m nêu trên.

Anh yêu cầu xem xét số tiền anh đã trả lần cuối 20.000.000 đồng cho Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện H theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/7/2019.

Trong quá trình, cha anh bệnh, đến khi chết, anh là người nuôi dưỡng, lo hậu sự, mai táng và chôn cất đất của vợ chồng anh ở ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên yêu cầu Toà án xem xét đến công sức này, đồng thời xem xét đến công sức gìn giữ, quản lý đất.

Anh đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung, anh là người giữ giấy, theo như lời của cha anh nói lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hùng V trình bày:

Anh với Lê Thái C là anh em ruột, Trần Thanh T là một mẹ khác cha. Khi mẹ anh (Lê Thị E) chết không để lại tài sản gì, tiền bạc gia đình đã điều trị bệnh cho mẹ hết, nhưng mẹ cũng không qua khỏi.

Về phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa Trần Thanh T với vợ chồng Lê Thái C có nguồn gốc là do cha dựng anh là ông Trần Thanh G đứng ra mua của Ban quản lý các dự án công trình xây dựng huyện H hai nền gồm nền N8 và N11. Nguồn tiền là do ông G bỏ ra. Nền N8 do lo tiền trả các đợt theo yêu cầu của Ban quản lý dự án, ông G có nói với C còn thiếu Ban quản lý dự án 40.000.000 đồng, kêu vợ chồng C bỏ tiền ra để trả, ông G sẽ cho vợ chồng C, nền nhà này luôn, nhưng vợ chồng C không chịu bỏ ra, vì ra rằng chỗ này buồn, hui quanh. Nên ông G bán nền nhà này cho ông Út K (Mua bán Bất động sản) - Khu phố T với giá bao nhiêu thì không biết, sau ông Út K mới bán lại cho người khác.

Đối với số tiền giải toả căn nhà cũ tại tổ A, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang với số tiền 75.000.000 đồng, thì C hỏi mượn của ông G để làm vốn mua xe, nhưng không biết trả như thế nào. Nhưng nghe cha dựng nói G chỉ trả mỗi làm một ít, nên không làm được việc gì. Việc cha dựng - ông G mua nền nhà từ nguồn tiền tiết kiệm và tiền bán nền N8, nên ông G trả cho Ban quản lý dự án hai đợt, chỉ còn thiếu lại Ban quản lý dự án 20.000.000 đồng, số tiền này C bỏ ra để trả cho Ban quản lý dự án.

Còn về căn nhà trên đất hiện nay, không biết cha dựng giận C như thế nào, nên đã dời đồ từ căn nhà cũ vào nền nhà mới (N11), sau đó thì C mới thuê anh S (chồng chị L1) di dời căn nhà cũ để cất lại tại nền nhà mới với diện tích 56m² để cho ông G ở. Đến năm 2018, anh không có nhà ở, nên cha anh kêu anh về ở chung với cha, còn Trần Thanh T đi nơi khác ở, không còn ở đó.

Năm 2020, ngày giỗ của mẹ Lê Thị E, cha dựng có kêu ba anh em lại chia nền làm 03 [(Dài 25,6-5)/3]; Trần Thanh T khúc đầu quay mặt ra ruộng; ở giữa cho cháu nội tên P (Con anh), còn khúc cuối có căn nhà ông G ở, thì khi ông G chết, ông G nói cho anh C để thờ phụng cha mẹ. Việc phân chia không có lập văn

bản giấy tờ gì. Khi cha dựng chết đột ngột, nên cũng không để lại di chúc hay văn bản phân chia phần đất này.

Nền Lô L04, nền số 11 (N11) là do anh ở, nhưng sau đó thì mâu thuẫn với C, nên anh mới về Đồng Nai sinh sống, căn nhà này đóng cửa. Còn phần đất trống nằm sát căn nhà của ông G, trước đây ông G cho người cháu tên D mượn làm nhà máy nước, đến nay đã hết thời gian cho mượn, nhưng D không trả. Hiện tại vẫn đang làm nhà máy nước.

Các anh em không thực hiện theo sự phân chia của ông G là nền Lô L04, nền số 11 (N11) sau khi trừ lộ giới, lối thoát hiểm, thì chia làm 03, mỗi người một phần là do C muốn đứng tên một mình trên nền nhà này để tiện bề sử dụng, định đoạt, nên đã yêu cầu T gửi giấy CMND (Bản chính) về để làm các thủ tục sang tên giấy từ ông Trần Thanh G qua Lê Thái C. Sau đó anh và chú 7 H (em ruột của ông G) có liên hệ với Ban quản lý dự án, thì được cho biết Biên bản họp mặt gia tộc để đồng ý sang tên cho C đứng tên, chỉ có hai người là C và T, mà không có anh, đồng thời chữ ký T là do người khác ký thay, vì thời điểm làm giấy tờ T không có mặt tại H, Kiên Giang. Chính vì sự gian dối của C, nên anh em mới phát sinh tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Trần Thanh T. Anh đề nghị Toà án giao di sản thừa kế cho T được toàn quyền sử dụng diện tích đất này, sau khi trả phần tiền 20.000.000 đồng và khoảng tiền chênh lệch cho C. Đồng thời, yêu cầu chia phần đất này theo quy định của pháp luật. Nếu giao phần đất này cho chị T, thì anh và chị T tự tính toán với nhau. Nếu giao phần đất này cho Lê Thái C, thì anh yêu cầu Lê Thái C phải trả lại phần anh được chia và xin nhận bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Phạm Nhàn D - anh Nguyễn Phạm Nhàn D, sinh năm: 1991 trình bày:

Nguyên vào năm 2018, anh được bác là ông Trần Thanh G có cho mượn một phần đất thổ cư có diện tích chiều ngang 6,8m, chiều dài 25m, đất tọa lạc tại nền 11, Lô D, trung tâm thương mại thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, đất có vị trí tứ cận giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất Lộ Nhựa, Phía Tây giáp đất ông Tư T3, Phía Nam giáp Lộ N, Phía Bắc giáp đất ông T4.

Sau khi được cho mượn diện tích đất trên, anh đổ đất đá, cán nền và xây dựng căn nhà tiền chế có diện tích chiều ngang 6,8m, chiều dài 11m để làm cơ sở sản xuất nước uống đóng chai đứng tên hộ kinh doanh Nguyễn Phạm Nhàn D, ngày 07/05/2018 anh được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 56D8007928, với tổng chi phí đổ nền và xây dựng căn nhà tiền chế với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc cho mượn diện tích đất trên có anh C, chị T, anh V đều biết. Anh làm cơ sở nước đóng chai được 03 năm thì ông G chết.

Nay anh làm đơn này yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh như sau:

Nếu Tòa án giải quyết giao nền này cho ai, nếu anh không thỏa thuận thuê lại được, thì anh sẽ tự nguyện di dời và yêu cầu trả cho anh chi phí làm nền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đồng thời khi anh dời đi vị trí khác, thì anh phải làm thủ tục đăng ký lại toàn bộ tại Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm ở thành phố R, nên anh yêu cầu cho anh 06 tháng làm thủ tục và di dời toàn bộ công trình trên đất.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thanh T trình bày: Chị yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Chị yêu cầu được nhận bằng tiền, đồng ý giao đất cho anh C, chị không yêu cầu xem xét đến công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

Anh Lê Hùng V trình bày: Anh yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Anh yêu cầu được nhận bằng tiền, đồng ý giao đất cho anh C, anh không yêu cầu xem xét đến nhà cửa và cây trồng trên đất. Đối với chuồng gà nằm trên đất đã mục nát, anh sẽ tự tháo dỡ.

Anh Lê Thái C trình bày: Anh yêu cầu xem xét đến số tiền 20.000.000 đồng anh đã bỏ ra trả đợt cuối cho Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện H, yêu cầu xem xét công sức nuôi dưỡng, lo hậu sự, mai táng và chôn cất cha trên đất của vợ chồng anh mua ở ấp S, xã M, huyện H, đồng thời xem xét đến công sức gìn giữ, quản lý đất và yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Anh yêu cầu được nhận bằng đất và đồng ý thối lại giá trị bằng tiền cho anh V, chị T đối với phần họ được hưởng thừa kế. Anh không đồng ý với kết quả định giá của Chứng thư định giá, nhưng không yêu cầu định giá lại.

Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Phạm Nhân D trình bày: Nếu Tòa án giải quyết giao nền này cho ai, nếu anh không thỏa thuận thuê lại được, thì anh sẽ tự nguyện di dời và yêu cầu trả cho anh chi phí làm nền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đồng thời khi anh dời đi vị trí khác, thì anh phải làm thủ tục đăng ký lại toàn bộ tại Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm ở thành phố R, nên anh yêu cầu cho anh được lưu cư 06 tháng làm thủ tục và di dời toàn bộ công trình trên đất.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về thời gian giải quyết vụ án có kéo dài hơn một năm, nhưng do đương sự có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, phải đo đạc, định giá..., nhưng không ảnh hưởng nhiều đến vụ án.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét đến số tiền 20.000.000 đồng do anh C đã bỏ ra trả đợt cuối cho Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện H theo tỷ lệ trượt giá, sau đó mới chia thừa kế theo quy định. Anh C không đồng ý với kết quả định giá của Chứng thư định giá, nhưng không yêu cầu định giá lại, nên đề nghị lấy giá theo Chứng thư định giá có trong hồ sơ để tiếp tục giải quyết vụ án.

Đôi $\frac{1}{2}$ di sản của bà E chia làm 04 phần; ông G, chị T, anh V, anh C mỗi người được một phần. Riêng $\frac{1}{4}$ của ông G được chia sẽ giao cho anh C xem như công sức nuôi dưỡng, lo hậu sự, mai táng và chôn cất cha trên đất của vợ chồng anh mua ở ấp S, xã M, huyện H và công sức gìn giữ, quản lý đất.

Đôi với $\frac{1}{2}$ di sản của ông G chia cho chị T được hưởng.

Giao toàn bộ diện tích đất theo đo đạc thực tế cho anh C và đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C, mọi chi phí anh C tự chịu. Anh C có trách nhiệm bồi lại giá trị cho chị T, anh V như đã phân chia ở trên.

Bác yêu cầu khởi kiện độc lập của Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Phạm Nhân D.

Về các chi phí tố tụng khác và án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu chi phí tố tụng khác và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, chị Trần Thanh T yêu cầu nhận phần di sản do cha chị là ông Trần Thanh G chết để lại. Xét thấy đây là tranh chấp về di sản thừa kế, bị đơn anh Lê Thái C có chỗ ở hiện nay tại ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của chị **T** được nhận phần di sản thừa kế của ông **G**, sau khi trừ phần của anh **C** đã trả cho Ban quản lý các dự án công trình xây dựng huyện **H**, phần đã chia cho anh **V** và anh **C**.

Xét yêu cầu này của chị **T**: Chị **T**, anh **V**, anh **C** đều thừa nhận rằng, sau khi bà **Lê Thị E** ly hôn với ông **Lê Văn T2**, thì về sinh sống với ông **Trần Thanh G** tại căn nhà tọa lạc tại **tổ A, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** và sinh ra được một người con là **Trần Thanh T**. Vào ngày 21/5/2005, thì bà **E** bị bệnh chết.

Đến ngày 07/01/2011, ông **G** có nhận chuyển nhượng một thửa đất nền nhà (Nền tái định cư) Lô L04, N11, diện tích 160m² (chiều rộng 6,8m, chiều dài 25,6m), đất tọa lạc tại **tổ B, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** với giá 96.000.000 đồng do **Ban Q**, thuộc dự án đầu tư Xây dựng Chợ và **khu dân cư T thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** đứng ra chuyển nhượng. Nguồn tiền chuyển nhượng nền nhà **Lô L, N11** từ số tiền giải toả căn nhà cũ tại **tổ A, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** vừa nêu trên.

Trong số tiền 96.000.000 đồng trả cho bên chuyển nhượng, thì có 20.000.000 đồng do anh **C** là người bỏ ra (chiếm 20,83%), nên anh **C** phải được hưởng phần này theo giá trị thực tế hiện nay theo kết quả định giá, sau đó mới tiến hành phân chia. Theo kết quả định giá của **Công ty TNHH Đ** thì phần đất này có giá trị 1.316.121.000 đồng, nên phần của anh **C** được hưởng là 20,83% x 1.316.121.000 đồng là 274.148.004 đồng (làm tròn 274.148.000 đồng). Phần tài sản của ông **G**, bà **E** còn lại là 1.041.973.000 đồng.

Căn nhà cũ tọa lạc tại **tổ A, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** trước khi giải toả, thì do bà **E** và ông **G** cùng sinh sống, Không có văn bản nào thể hiện đây là tài sản riêng của ông **G**, nên được xem là tài sản chung của bà **E** và ông **G**. Nên bà **E** được hưởng $\frac{1}{2}$ căn nhà. Đến ngày 21/5/2005, bà **E** chết, đã phát sinh thừa kế, nhưng chưa được phân chia. Từ ngày bà **E** chết (21/5/2005) đến ngày chị **T** khởi kiện vẫn còn thời hiệu thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, di sản thừa kế của bà **E** được chia làm bốn phần (ông **G**, chị **T**, anh **C**, anh **V**) theo quy định. Phần tài sản của bà **E** là 520.986.500 đồng được phân chia làm bốn phần, nên ông **G**, chị **T**, anh **C**, anh **V** mỗi người sẽ được hưởng là 130.246.625 đồng (Làm tròn 130.247.000 đồng). Phần ông **G** sẽ được hưởng 651.233.500 đồng (520.986.500 đồng + 130.247.000 đồng).

Khi ông **G** di dời căn nhà cũ tại **tổ A, khu phố T** vào nền nhà tại **Lô L, N11** tổ 20 **khu phố T**, anh **V**, chị **T** ở đây với ông **G** một thời gian, sau đó thì bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống. Khi ông **G** ốm đau, bệnh tật thì anh **C** là trực tiếp chăm sóc, bỏ tiền ra chữa trị. Đến khi ông **G** chết, thì anh **C** lo hậu sự, mai táng và chôn cất

trên đất của vợ chồng anh ở **ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Do vậy, việc anh **C** có yêu cầu HĐXX xem xét đến công sức này và xem xét đến công sức gìn giữ, quản lý đất là có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Công sức, tiền bạc của anh **C** đối với ông **G** và gìn giữ, quản lý đất, sau khi cân nhắc, HĐXX xem xét cho anh **C** được hưởng phần tài sản của ông **G** hưởng thừa của bà **E** là 130.247.000 đồng.

Phần tài sản còn lại của ông **G** là 520.986.500 đồng. Đối với phần tài sản này, chị **T** là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **G**, nên chị **T** được hưởng phần này. Do vậy:

Chị **T** sẽ được hưởng phần thừa kế: Số tiền 520.986.500 đồng phần của ông **G** và 130.247.000 đồng được hưởng từ bà **E**. Tổng cộng là 651.233.500 đồng (làm tròn 651.233.000 đồng).

Anh **V** sẽ được hưởng phần thừa kế với số tiền 130.247.000 đồng được hưởng từ bà **E**.

Anh **C** sẽ được hưởng phần thừa kế với số tiền 130.247.000 đồng được hưởng từ bà **E** + công sức, tiền bạc của anh **C** đối với ông **G** và gìn giữ, quản lý đất là 130.247.000 đồng + phần tiền chênh lệch do anh **C** bỏ ra là 274.148.000 đồng. Tổng cộng là 534.642.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của anh **C**:

[2.2.1] Đối với yêu cầu công sức, tiền bạc của anh **C** đối với ông **G** và gìn giữ, quản lý đất, đã được phân tích, nhận định ở phần trên.

[2.2.2] Yêu cầu được sử dụng diện tích 53,3m² (Sau khi đo đạc thực tế bao nhiêu, thì sẽ nhận bấy nhiêu). Anh đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung, anh là người giữ giấy, theo như lời của cha anh nói lại.

Xét yêu cầu này của anh **C** thấy rằng: Việc ông **G** phân chia nền nhà **Lô L**, N11 tọa lạc tại **tổ B khu phố T** cho ba anh em gồm **T, C, V**, nhưng việc phân chia này chỉ nói miệng với nhau, không có văn bản, giấy tờ gì hoặc ông **G** lập di chúc để lại tâm nguyện của mình cho đến trước thời điểm ông **G** chết ngày 13/4/2021. Thêm vào đó, nền nhà **Lô L**, N11 là tài sản chung của ông **G** và bà **E**, nên một mình ông **G** quyết định cũng không đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, trừ trường hợp các anh em cùng thống nhất. Tuy nhiên, các bên đã xảy ra tranh chấp, thì căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Nền nhà **Lô L**, N11 có diện tích theo đo đạc thực tế là 152,7m² (BL103) đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu hành chính và **Trung tâm thương mại thị trấn S**, tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của **UBND huyện H**. Nếu phân chia nền nhà này ra làm ba, thì mỗi người chỉ được sử dụng 50,9m², không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày

16/8/2021 của UBND tỉnh K, nên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc anh C đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung, anh C là người giữ giấy. Việc này chỉ theo trình bày của anh C, không được chị T và anh V thừa nhận. Việc cấp giấy chung, trừ khi nào các bên thống nhất, nay đã mâu thuẫn và xảy tranh chấp thì việc cấp giấy chung sẽ ảnh hưởng đến quyền sử dụng của phần đất được phân chia. Do vậy, việc giao cho người nào được toàn quyền sử dụng phần đất này, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó thì thối lại giá trị cho những người còn lại hoặc bán ra để phân chia theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015.

Anh C là người sinh sống gần phần đất tranh chấp. Trên đất có căn nhà cũ của ông G, anh C là người có công nhiều nhất di dời căn nhà này từ tổ 18 khu phố T vào nền nhà này, người đang trực tiếp quản lý đất. Sau khi HĐXX giải thích, thì chị T, anh V đồng ý giao đất cho anh C và xin nhận phần di sản thừa kế bằng giá trị (tiền). Do đó, HĐXX giao diện tích nền nhà theo đo đạc thực tế cho anh C và đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C, mọi chi phí anh C tự chịu. Anh C có nghĩa vụ thối lại giá trị cho chị T, anh V như đã phân chia ở trên.

[2.3]. Đối với căn nhà cũ của ông G, cây trồng trên đất và chông gà:

Đối với căn nhà cũ của ông G và cây trồng trên đất, chị T và anh V thống nhất tại phiên toà không yêu cầu gì, nên giao lại cho anh C quản lý, sử dụng.

Đối với chông gà trên đất, anh V tự nguyện tháo dỡ. Nếu anh V không tháo dỡ, thì anh C có quyền tự tháo dỡ hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành, khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Đối với yêu cầu độc lập của Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Phạm Nhân D - anh Nguyễn Phạm Nhân D, sinh năm: 1991.

[3.3.1] Yêu cầu trả cho anh chi phí làm nền là 50.000.000 đồng.

Xét yêu cầu này của anh D thấy rằng: Sau khi được ông G cho mượn một phần đất thổ cư có chiều ngang 6,8m, chiều dài 11m, thì anh đổ đất đá, cán nền, xây dựng căn nhà tiền chế để làm cơ sở sản xuất nước uống đóng chai. Anh làm được ba năm thì ông G chết, từ đó đến nay thì anh vẫn tiếp tục sản xuất nước đóng chai. Việc anh D được ông G cho mượn đất, kinh doanh từ đó đến nay, mà không phải chịu tiền thuê mượn là phần có lợi cho anh. Việc anh D muốn có chỗ để sản xuất nước lọc và kinh doanh có hiệu quả thì phải bỏ công sức, cải tạo, san lấp mặt bằng để có điều kiện sản xuất nước tốt nhất. Từ trước đến nay, anh D đã thu được nhiều hoa lợi, lợi tức từ việc sản xuất và bán nước lọc, nên khoản hoa lợi thu được

đã bù đắp cho việc anh đổ đất, cán nèn. Nên yêu cầu này của anh **D**, không được HĐXX chấp nhận.

[3.3.2] Đối với yêu cầu cho anh được ở lại trên đất thời gian 06 tháng làm thủ tục và di dời toàn bộ công trình trên đất.

Việc anh dời đi vị trí khác, thì anh **D** phải làm thủ tục đăng ký lại toàn bộ tại Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm ở **thành phố R**, nên yêu cầu này của anh **D** được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định như trên, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi liên quan. Bác một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, liên quan.

[4]. Về các chi phí tố tụng khác:

[4.1] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và bản vẽ: Chi phí theo Kế hoạch 03/KH-TA ngày 19/12/2023 với số tiền 4.000.000 đồng và chi phí bản vẽ với số tiền 1.267.542 đồng (làm tròn 1.268.000 đồng) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000239 ngày 20/02/2024 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**. Tổng cộng là 5.268.000 đồng, chị **T** đã nộp tạm ứng xong. Chị **T** phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền này là 2.634.000 đồng; anh **V**, anh **C** mỗi người phải chịu 1.317.000 đồng. Do vậy, anh **V**, anh **C** mỗi người phải hoàn trả cho chị **T** 1.317.000 đồng.

[4.2] Chi phí định giá tài sản với số tiền 6.600.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000061 ngày 03/6/2024 của **Công ty TNHH Đ**, chị **T** đã tạm ứng xong. Chị **T** phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền này là 3.300.000 đồng; anh **V**, anh **C** mỗi người phải chịu 1.650.000 đồng. Do vậy, anh **V**, anh **C** mỗi người phải hoàn trả cho chị **T** 1.650.000 đồng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 7 Điều 27, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc chị **Trần Thanh T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 30.049.320 đồng (làm tròn 30.049.000 đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc anh **Lê Hùng V** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 6.512.350 đồng (làm tròn 6.512.000 đồng).

- Buộc anh **Lê Thái C** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 25.385.680 đồng (làm tròn 25.386.000 đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc Chủ hộ kinh doanh **Nguyễn Phạm Nhân D** - anh **Nguyễn Phạm Nhân D** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đồng, khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 618, khoản 1 Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chia và giao toàn bộ phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 152,7m² (Trên đất có căn nhà của ông **Trần Thanh G**, cùng toàn bộ các cây trồng) cho anh **Lê Thái C**, cụ thể các cạnh như sau:

- Cạnh 1-2 = 6,80m giáp đất Hành lang kỹ thuật R: 1,5m;
- Cạnh 2-3 = 19,30m giáp đất vỉa hè (**Đường số F**);
- Cạnh 3-4 = 9,27m giáp đất vỉa hè (**Đường D**);
- Cạnh 4-1 = 25,60m giáp đất **Ngô Thị Như Huỳnh**.

*(Theo Trích đo địa chính số TĐ 16-2024 ngày 05/02/2024 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**, tỉnh Kiên Giang).*

2. Buộc anh **Lê Thái C** phải có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản thừa kế cho chị **Trần Thanh T** được hưởng tính theo giá trị với số tiền 651.233.000đ (*Sáu trăm năm mươi một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

3. Buộc anh **Lê Thái C** phải có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản thừa kế cho anh **Lê Hùng V** được hưởng tính theo giá trị với số tiền 130.247.000đ (*Một trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi anh **Lê Thái C** thực hiện xong nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho các thừa kế, thì căn cứ vào quyết định của Bản án có hiệu lực pháp luật anh **Lê Thái C** có quyền yêu cầu các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, mọi chi phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh **C** tự chịu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Lê Hùng V** về việc tháo dỡ chuồng gà được cất trên phần đất đã giao cho anh **Lê Thái C**. Nếu anh **Lê Hùng V** không tự nguyện tháo dỡ, thì anh **Lê Thái C** có quyền tự tháo dỡ hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành, khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Bác yêu cầu của Chủ hộ kinh doanh **Nguyễn Phạm Nhân D** - anh **Nguyễn Phạm Nhân D** về việc yêu cầu phải chi phí làm nền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

6. Chủ hộ kinh doanh **Nguyễn Phạm Nhân D** - anh **Nguyễn Phạm Nhân D** được ở lại trên đất thời gian 06 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật để làm thủ tục và di dời toàn bộ công trình xây dựng trên đất. Hết thời gian vừa nêu, nếu không thoả thuận được với người có quyền sử dụng đất, mà không chịu di dời, thì anh **L2** có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành

7. Về các chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và bản vẽ: Buộc anh **Lê Hùng V**, anh **Lê Thái C** mỗi người phải nghĩa vụ hoàn trả cho chị **Trần Thanh T** số tiền 1.317.000đ (*Một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*).

- Chi phí định giá tài sản: Buộc anh **Lê Hùng V**, anh **Lê Thái C** mỗi người phải nghĩa vụ hoàn trả cho chị **Trần Thanh T** số tiền 1.650.000đ (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị **Trần Thanh T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 30.049.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003474 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị **T** còn phải nộp thêm 29.449.000đ (*Hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

- Buộc anh **Lê Hùng V** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 6.512.000đ (*Sáu triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*).

- Buộc anh **Lê Thái C** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 25.386.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004110 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Anh **C** còn phải nộp thêm 24.786.000đ (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

- Buộc Chủ hộ kinh doanh **Nguyễn Phạm Nhân D** - anh **Nguyễn Phạm Nhân D** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007132 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chủ hộ kinh doanh **Nguyễn Phạm Nhân D** - anh **Nguyễn Phạm Nhân D** còn phải nộp thêm 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

9. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2024); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

10. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh H4